

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HS-ST

Ngày: 20/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thanh Thúy
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2025/TLST-HS ngày 16/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 07/5/2025 đối với bị cáo:

Lê Văn H (Đ), sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; căn cước công dân số: 083090002524; danh chỉ bản số: 32 lập ngày 20/01/2025 tại Công an tỉnh B; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; bị cáo sống chung như vợ chồng với Nguyễn Ngọc Quế A, sinh năm 1995 và có 01 con chung sinh năm 2015 (khai sinh để trông tên cha);

Tiền án: ngày 24/3/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án Hình sự sơ thẩm số 30/2022/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/11/2023, chưa thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm);

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào Trường Giáo dưỡng Số 7414/QĐ-UBND ngày 17/10/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) áp dụng biện pháp đưa vào Trường G đối với Lê Văn H thời hạn 24 tháng do có hành vi Trộm cắp tài sản.

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 14/2009/HSST ngày 11/02/2009 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre) xử phạt Lê

Văn H 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong bản án ngày 31/12/2009);

- Bản án Hình sự sơ thẩm số 35/2015/HSST ngày 18/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt Lê Văn H 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (chấp hành bản án ngày 28/01/2019).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2024 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại*: Trương Minh T, sinh năm 1986; nơi cư trú: số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Lê Thùy L1, sinh năm 1996; nơi cư trú: số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Đặng Văn P, sinh năm 1990; nơi cư trú: C, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

3. Nguyễn Thị Hà T1, sinh năm 1982; nơi cư trú: số I, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

4. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1972; nơi cư trú: số I, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

5. Hồ Anh T3, sinh năm 1994; nơi cư trú: số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

6. Phạm Thành N, sinh năm 1990; nơi cư trú: số B, đường L, khu phố C, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt

7. Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1993; nơi cư trú: số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H là người có 01 tiền án về hành vi “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà còn vi phạm: khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/10/2024, H điều khiển xe đạp đi từ nhà H ở số A, ấp A, xã M, thành phố B đến khu vực Phường H, thành phố B ăn hủ tiếu. Ăn hủ tiếu xong H điều khiển xe đạp trên đường N hướng từ Cầu G về Cầu C về nhà. Khi đi ngang Cửa hàng Đ1 ở khu phố A, phường H, thành phố B của anh Trương Minh T làm chủ. H thấy cửa khóa ngoài và không ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. H về nhà H lấy 01 balo, 01 cây kèm của H rồi điều khiển xe đạp quay lại Cửa hàng điện thoại Minh T. H dựng xe đạp ở **khudân cư** đang xây dựng đối diện cửa hàng, đi bộ qua cửa hàng, leo lên cây xanh phía trước cửa hàng, rồi leo qua lan can của gác bằng gỗ, H dùng kèm cắt 06 song sắt cửa sổ của gác gỗ tạo một khoảng trống rồi chui vào bên trong gác lửng của cửa hàng, đi xuống phía dưới tầng trệt, đến khu vực tủ trưng bày điện thoại của cửa hàng, H mở tủ lấy 20 điện thoại di động các loại, gồm: 02 điện thoại di động

iPhone 16 Plus Clock, 02 điện thoại di động iPhone 15 Pro Max, 02 điện thoại di động iPhone 14 Pro Max, 01 điện thoại di động iPhone 13 Pro Max, 04 điện thoại di động iPhone 12 Pro Max, 01 điện thoại di động iPhone XS Max, 04 điện thoại di động Xiaomi, 01 điện thoại di động Realme, 02 điện thoại di động Vivo và 01 điện thoại di động Oppo bỏ vào ba lô H mang theo rồi leo ra ngoài theo đường cũ. H điều khiển xe đạp tẩu thoát về hướng cầu R rồi vớt cây kẽm xuống sông B rồi đem tài sản cất giấu tại một ngôi nhà hoang gần nhà của H. H lấy 04 điện thoại iPhone: 01 iPhone 13 Promax, 02 iPhone 14 Promax, 01 iPhone Xs Max đem về nhà H ở Số A, ấp A, xã M, thành phố B đưa cho Lê Thùy L1, sinh năm 1996 (là em ruột của H) và nói với L1 điện thoại của người anh ở Thành phố Hồ Chí Minh đưa H nhờ L1 cầm giúp. L1 rủ Nguyễn Thị Hồng L (là em ruột của H và là chị ruột của L1), sinh năm 1993 cùng đến Cửa hàng điện thoại di động A P1 ở số C, khu phố F, phường P, thành phố B do anh Đặng Văn P, sinh năm 1990 làm chủ cầm 02 điện thoại: 01 điện thoại iPhone 13 Promax và 01 điện thoại iPhone 14 Promax được 20.000.000 đồng, L1 đưa tiền cầm điện thoại có được và Biên nhận cầm điện thoại cho H, H cho L1 và L mỗi người 500.000 đồng. Hai điện thoại còn lại L1 tiếp tục cất giữ, đến chiều ngày 22/10/2024, H kêu L1 đến cửa hàng điện thoại di động **Anh Thư ở Số I, Đường N, phường A, thành phố B** do chị Nguyễn Thị Hồng S làm chủ để cầm 01 điện thoại di động iPhone 14 P, trong lúc L1 đang cầm điện thoại cho chị S thì bị Cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ tang vật.

Sau khi H biết L1 bị Cơ quan điều tra mời làm việc, H đưa cho N1 thanh niên tên D (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) ở huyện M 02 điện thoại di động: 01 điện thoại di động iPhone 16 Plus và 01 điện thoại di động iPhone 15 Pro Max và nói D đến quán nước của Nguyễn Thị Hà T1 ở số I, ấp A, xã M, thành phố B để bán 02 điện thoại trên. D đến quán nước của T1 gặp Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1978 (chồng của T1) bán 02 điện thoại trên cho T2 được 16.000.000 đồng. D đưa cho H 16.000.000 đồng, H cho D 1.000.000 đồng sau đó H bỏ trốn ở nhiều nơi.

Đối với Nguyễn Văn T2, sau khi mua 02 điện thoại trên, T2 và Nguyễn Thị Hà T1 gắn sim vào 02 điện thoại trên để sử dụng nhưng không sử dụng được nên bán 02 điện thoại trên cho Hồ Tuấn A1 (là chủ Cửa hàng điện thoại di động 71 S) giá 30.000.000 đồng để mua của Tuấn A1 02 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 Pro Max, T2 và T1 sử dụng được một thời gian do thiếu tiền nên đã bán điện thoại trên cho khách đến uống nước (không biết tên, địa chỉ cụ thể).

Đối với Hồ Tuấn A1, sau khi mua 02 điện thoại: 01 điện thoại di động iPhone 16 Plus và 01 điện thoại di động iPhone 15 Pro Max do Nguyễn Văn T2 bán, Tuấn A1 tiếp tục bán 02 điện thoại trên cho Phạm Thành N (là chủ Cửa hàng điện thoại di động N) với giá 34.000.000 đồng, N đã giao nộp 02 điện thoại trên cho Cơ quan điều tra.

Đối với 14 điện thoại di động còn lại, trong lúc lẩn trốn, H bán cho nhiều người, nhiều nơi ở nhiều địa phương khác nhau, cụ thể H khai:

Bán 03 cái điện thoại di động: 02 điện thoại Iphone (không rõ loại nào) và 01 điện thoại không rõ nhãn hiệu cho người nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) H gặp ở thành phố M, tỉnh Tiền Giang được 35.000.000 đồng.

Bán 04 cái điện thoại di động không rõ nhãn hiệu cho nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) H gặp ở huyện B, tỉnh Long An với giá 3.500.000 đồng.

Bán 04 điện thoại di động: 01 điện thoại Iphone (không rõ loại nào) cùng 03 cái điện thoại không rõ nhãn hiệu cho nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) H gặp ở quán nước ven đường ở Thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ rõ Quận, huyện nào) với giá 12.000.000 đồng.

Bán 03 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (không rõ loại nào) cho người nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) H gặp ở **thành phố C, tỉnh Cà Mau** được 21.000.000 đồng.

Số tiền bán điện thoại có được, H tiêu xài cá nhân hết.

Hiện trường vụ án xảy ra tại Cửa hàng Đ1 ở Số D, Khu phố A, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre, tài sản bị lấy trộm được để ở 03 tủ kính sát nhau, kích thước mỗi tủ là 01m x 0.55m x 1,2m; tủ thứ Nhất cách cửa 2,1m, cách tường Đông 2,7 m; tủ thứ hai, thứ ba liền kề tủ thứ nhất về hướng Bắc, các tủ kính này đặt ở tầng trệt của Cửa hàng điện thoại di động Minh T.

Vật chứng thu giữ:

Do Lê Thị Thùy L1 giao nộp: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng, Số I: 357269092949312; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, 512G, màu vàng đồng, Số I: 351109796929374.

Do Đặng Văn P giao nộp (điện thoại do Lê Thùy L1 đem đến cầm cho P): 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu trắng, Số I: 351596243373851; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu đen, Số I: 352348740380206.

Do Phạm Thành N giao nộp (điện thoại N mua từ Hồ Tuấn A1): 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Plus, màu hồng, Số I: 359410891132316; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xám, Số I: 355364286396099.

Kết luận định giá tài sản Số 1140/KL-HĐĐG ngày 27/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 16 Plus Clock, màu hồng, số Imei: 359410891132316, dung lượng 128 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản ngày 22/10/2024: 15.570.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 16 Plus Clock, màu xanh, số I: 351553465636648, dung lượng 128 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản ngày 22/10/2024: 15.570.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 15 Pro Max Clock, màu xám, số Imei: 355364286396099, dung lượng 256 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản ngày 22/10/2024: 15.680.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 15 Pro Max Clock, màu xanh, số Imei: 357275792492792, dung lượng 256 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài

sản ngày 22/10/2024: 14.880.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 14 Pro Max, màu đen, số Imei: 352348740380206, dung lượng 128 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản ngày 22/10/2024: 14.440.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 14 Pro Max, màu vàng, số Imei: 351109796929374, dung lượng 512 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản ngày 22/10/2024: 16.450.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 13 Pro Max, màu trắng, số I: 351596243373851, dung lượng 128 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản ngày 22/10/2024: 10.400.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 12 Pro Max, màu xám, dung lượng 128 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản ngày 22/10/2024: 9.600.000 đồng; 02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 12 Pro Max, màu xanh, dung lượng 256 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản ngày 22/10/2024: 20.800.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 12 Pro Max, màu vàng, dung lượng 256 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản ngày 22/10/2024: 10.400.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone Xs Max, màu vàng, số Imei: 357269092949312 dung lượng 512 GB, đã qua sử dụng, giá trị tài sản ngày 22/10/2024: 5.390.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Poco C65, màu đen, Số I: 860493070716606, dung lượng 128 GB, mới: trị giá tài sản ngày 22/10/2024: 2.097.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Poco C65, màu đen, Số I: 860493070675687, dung lượng 128 GB, mới: trị giá tài sản ngày 22/10/2024: 2.097.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Poco C65, màu xanh, Số I: 860493071359562, dung lượng 128 GB, mới: trị giá tài sản ngày 22/10/2024: 3.501.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C65, màu tím, số Imei: 861880072135232, dung lượng 256 GB, mới, trị giá tài sản ngày 22/10/2024: 3.501.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 13C, màu đen, số Imei: 860348076277187, dung lượng 128 GB, mới, trị giá tài sản ngày 22/10/2024: 2.187.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y51, màu tím, dung lượng 128GB, đã qua sử dụng, trị giá tài sản ngày 22/10/2024: 1.600.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo Y20, màu tím, dung lượng 64GB, đã qua sử dụng, trị giá tài sản ngày 22/10/2024: 1.040.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A74, màu tím, dung lượng 128GB, đã qua sử dụng, trị giá tài sản ngày 22/10/2024: 1.600.000 đồng.

Tổng giá trị của 12 điện thoại di động Iphone và 08 điện thoại di động khác là: 166.763.000 đồng.

Ngày 20/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bị hại Trương Minh T 06 điện thoại Iphone gồm: 01 (một) điện thoại Iphone XS Max, màu vàng, Số I: 357269092949312; 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax, 512G, màu vàng đồng, Số I: 351109796929374; 01 (một) điện thoại Iphone 13 Promax, màu trắng, Số I: 351596243373851; 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax, màu đen, Số I: 352348740380206; 01 (một) điện thoại Iphone 16 Plus, màu hồng, Số I: 359410891132316; 01 (một) điện thoại Iphone 15 Promax, màu xám, Số I: 355364286396099.

Đối với 14 điện thoại di động còn lại gồm: 06 điện thoại di động Iphone và 08 điện thoại di động nhãn hiệu khác do không thu hồi được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra Quyết định truy tìm tang vật.

Đối với cây kềm là công cụ Lê Văn H dùng để thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” do H đã ném xuống sông B, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trương Minh T yêu cầu Lê Văn H bồi thường giá trị 14 điện thoại anh T bị H lấy trộm nhưng không thu hồi được là 88.783.000 đồng, đối với 06 điện thoại Iphone bị hại T đã nhận lại và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại T không yêu cầu H bồi thường chi phí sửa lại thanh kim loại của khung cửa sổ và khung kim loại của đèn bảng hiệu. Lê Văn H đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường.

Anh Đặng Văn P yêu cầu Lê Văn H bồi thường 20.000.000 đồng là tiền anh P cầm 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max sau đó bị thu hồi. Lê Văn H đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường.

Anh Phạm Thành N không yêu cầu Lê Văn H bồi thường giá trị 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động Iphone 16 Plus Clock và 01 điện thoại Iphone 15 Promax Clock anh mua từ anh Hồ Tuấn A1 sau đó bị thu hồi.

Lê Văn H không yêu cầu Lê Thùy L1 trả lại cho H số tiền 500.000 đồng H cho L1 và không yêu cầu Nguyễn Thị Hồng L trả lại số tiền 500.000 đồng H cho L khi L1 và L đi cầm điện thoại cho H và không yêu cầu D trả cho H số tiền 1.000.000 đồng H cho D khi D bán điện thoại giúp H.

Tổng số tiền H phải bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: 108.783.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của Lê Văn H phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai nhân chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp kết quả khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 23/CT-VKSTPBT ngày 15/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính, áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 03 năm 6 tháng đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng:

Ngày 20/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bị hại Trương Minh T 06 điện thoại Iphone gồm: 01 (một) điện thoại Iphone XS Max, màu vàng; 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax, 512G, màu vàng đồng; 01 (một) điện thoại Iphone 13 Promax, màu trắng; 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax, màu đen; 01 (một) điện thoại Iphone 16 Plus, màu hồng; 01 (một) điện thoại Iphone 15 Promax, màu xám.

Đối với 14 điện thoại di động còn lại gồm: 06 điện thoại di động Iphone và 08 điện thoại di động nhãn hiệu khác do không thu hồi được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra Quyết định truy tìm tang vật.

Đối với cây kềm là công cụ Lê Văn H dùng để thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” do H đã ném xuống sông B, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận: Bị hại Trương Minh T yêu cầu Lê Văn H bồi thường giá trị 14 điện thoại anh T bị H lấy trộm nhưng không thu hồi được là 88.783.000 đồng, đối với 06 điện thoại Iphone bị hại T đã nhận lại và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại T không yêu cầu H bồi thường chi phí sửa lại thanh kim loại của khung cửa sổ và khung kim loại của đèn bảng hiệu. Lê Văn H đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường.

Anh Đặng Văn P yêu cầu Lê Văn H bồi thường 20.000.000 đồng là tiền anh P cầm 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max sau đó bị thu hồi. Lê Văn H đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường.

Anh Phạm Thành N không yêu cầu Lê Văn H bồi thường giá trị 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động Iphone 16 Plus Clock và 01 điện thoại Iphone 15 Promax Clock anh mua từ anh Hồ Tuấn A1 sau đó bị thu hồi.

Lê Văn H không yêu cầu Lê Thùy L1 trả lại cho H số tiền 500.000 đồng H cho L1 và không yêu cầu Nguyễn Thị Hồng L trả lại số tiền 500.000 đồng H cho L khi L1 và L đi cầm điện thoại cho H và không yêu cầu D trả cho H số tiền 1.000.000 đồng H cho D khi D bán điện thoại giúp H nên đề nghị ghi nhận.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Văn P trình bày: anh có mua tài sản do bị cáo phạm tội mà có như cáo trạng nêu. Khi mua anh không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Tài sản đã bị thu hồi nên anh yêu cầu bị cáo trả lại số tiền anh đã mua tài sản là 20.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/10/2024, Lê Văn H có hành vi lén lút lấy trộm của anh Trương Minh T 20 điện thoại di động gồm: 12 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone các loại, 04 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, 02 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, tổng giá trị tài sản của 20 điện thoại di động là 166.763.000 đồng. Nơi xảy ra vụ án tại Cửa hàng Đ1 ở Số D, Khu phố A, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 166.763.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và đã nhiều lần bị kết án. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa mà lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Ghi nhận: Ngày 20/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bị hại Trương Minh T 06 điện thoại Iphone gồm: 01 (một) điện thoại Iphone XS Max, màu vàng; 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax, 512G, màu vàng đồng; 01 (một) điện thoại Iphone 13 Promax, màu trắng, 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax, màu đen; 01 (một) điện thoại Iphone 16 Plus, màu hồng; 01 (một) điện thoại Iphone 15 Promax, màu xám.

Đối với 14 điện thoại di động còn lại gồm 06 điện thoại di động Iphone và 08 điện thoại di động nhãn hiệu khác, cây kèm và xe đạp là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội do không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Bị cáo không yêu cầu Lê Thùy L1 trả lại số tiền 500.000 đồng mà bị cáo đã cho L1; bị cáo không yêu cầu Nguyễn Thị Hồng L trả lại số tiền 500.000 đồng mà bị cáo đã cho L khi L1, L đi cầm điện thoại giúp bị cáo. Bị cáo không yêu cầu D trả số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo đã cho D khi D bán điện thoại giúp bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trương Minh T yêu cầu Lê Văn H bồi thường giá trị 14 điện thoại bị cáo lấy trộm của anh T nhưng không thu hồi được là 88.783.000 đồng, bị cáo đồng ý nên buộc bị cáo bồi thường. Đối với 06 điện thoại Iphone bị hại T đã nhận lại và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại T không yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa lại thanh kim loại của khung cửa sổ và khung kim loại của đèn bảng hiệu.

Anh Phạm Thành N không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động Iphone 16 Plus Clock và 01 điện thoại Iphone 15 Promax Clock anh mua từ anh Hồ Tuấn A1 sau đó bị thu hồi.

Anh Đặng Văn P yêu cầu Lê Văn H bồi thường 20.000.000 đồng là tiền anh P cầm 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max sau đó bị thu hồi. Bị cáo đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường.

[9] Đối với Lê Thùy L1, Nguyễn Thị Hồng L giúp bị cáo cầm và bán điện thoại nhưng không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có; Đặng Văn P khi cầm 02 điện thoại do Lê Thùy L1 mang đến cầm nhưng không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có; Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Hà T1 khi mua 02 điện thoại di động do nam thanh niên tên D bán nhưng không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có; Hồ Tuấn A1 khi mua 02 điện thoại di động do Nguyễn Văn T2 bán nhưng không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có; Phạm Thành N khi mua 01 điện thoại di động do Hồ Tuấn A1 bán nhưng không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục xác minh làm rõ đối với nam thanh niên tên D mà bị cáo khai đã nhờ đi bán điện thoại do bị cáo

trộm cắp mà có và những người bị cáo khai đã mua điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có để xử lý theo thẩm quyền.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn H 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Trương Minh T số tiền 88.783.000 (tám mươi tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn) đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Đặng Văn P số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn H nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm 5.439.000 (năm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn) đồng. Tổng cộng, bị cáo phải nộp là 5.639.000 (năm triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bến Tre; (1b);
- UBND xã Mỹ Thạnh An, TPBT (1b);
- Bị cáo, NTGTT (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình